lǐ xiǎng de zhí yè
第 16 理 想 的 职 业

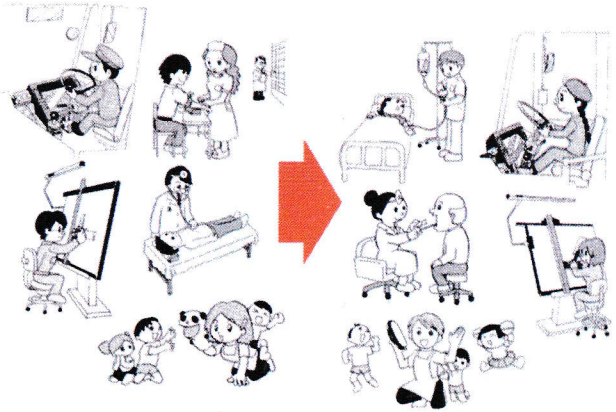

1

nǐ shì zùo shén me gōng zùo de
爱珍:你 是 做 什 么 工 作 的?

yǐ qián wǒ zài yì jiā bào shè gōng zùo, shì yì míng jì zhě
左拉:以 前 我 在 一 家 报 社 工 作 , 是 一 名 记 者.

nǐ xué xí hàn yǔ shì wèi le gōng zùo
爱珍:你 学 习 汉 语 是 为 了 工 作?

kě yǐ shūo shì ba, bù gùo, xiàn zài wǒ shī yè le, lái zhōng gúo zhī qián cí de zhí
左拉:可 以 说 是 吧, 不 过, 现 在 我 失 业 了,来 中 国 之 前 辞 的 职.

dāng jì zhě dūo hǎo ya, yǒu jī hùi qù hěn dūo dì fāng, hái néng rèn shí hěn dūo rén,
爱珍:当 记 者 多 好 呀, 有 机 会 去 很 多 地 方, 还 能 认 识 很 多 人,

dūo ràng rén xiàn mù ā. nán dào nǐ hái bù mǎn yì
多 让 人 羡 慕 啊 . 难 道 你 还 不 满 意?

rén gè yǒu zhì. gāi wǒ wèn nǐ le, kàn yàng zǐ nǐ hái shì gè dà xué shēng ba
左拉:人 各 有 志. 该 我 问 你 了, 看 样 子 你 还 是 个 大 学 生 吧?

bù cùo, wǒ shì xué jīng jì de, míng nián bì yè
爱珍:不 错, 我 是 学 经 济 的, 明 年 毕 业.

bì yè yǐ hòu dǎ suàn zùo shén me gōng zùo
左拉:毕 业 以 后 打 算 做 什 么 工 作?

yī jiā gōng sī yǐ jīng dá yìng yào wǒ le, shì yī jiā gēn zhōng gúo yǒu shēng yì guān xì de gōng sī
爱珍:一 家 公 司 已 经 答 应 要 我 了, 是 一 家 跟 中 国 有 生 意 关 系 的 公 司.

2

nǐ jué dé zùi lǐ xiǎng de zhí yè shì shén me
望月:你 觉 得 最 理 想 的 职 业 是 什 么?

wǒ jué dé méi yǒu shén me zùi lǐ xiǎng de zhí yè. zhí yè hǎo bù hǎo, guān jiàn yào kàn liǎng gè fāng miàn
李钟文:我 觉 得 没 有 什 么 最 理 想 的 职 业. 职 业 好 不 好, 关 键 要 看 两 个 方 面.